

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05 – 8 – 2024

“ *V/v Tranh chấp ly hôn* ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH VĨNH LONG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hà.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long*** không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 181/2024/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2024/QĐXX - ST ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1984 (Vắng, có đơn).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Mộng C, sinh năm: 1988 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Đại Hòa, xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** *Nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị C hôn nhân hình thành do mai mối tuy được sự đồng ý của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã Trung Thành Đông, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 05/5/2008. Sau ngày cưới chị C sống bên gia đình anh.

Thời gian đầu anh và chị C chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cự cãi, mỗi lần như thế chị C hay bỏ nhà đi không biết đi đâu và làm gì. Sau nhiều lần bỏ nhà đi thì đến ngày 25/02/2024 chị C đã bỏ đi cho đến nay không về, anh và chị C đã ly thân từ đó cho đến nay. Anh nhận thấy không còn tình cảm và không khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với chị C.

- *Về con chung*: Anh và chị C có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mộng Thu, sinh ngày 18/02/2005 đã thành niên không yêu cầu giải quyết và cháu Nguyễn Nhật Trường, sinh ngày 20/01/2008 hiện nay đang sống chung với anh. Khi ly hôn anh yêu cầu nuôi dưỡng cháu Trường, không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bảng khai ý kiến ngày 19/4/2024 cháu Nhật Trường trình bày*: Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với anh C.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Mộng C vắng mặt tại phiên Tòa không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng, không cung cấp bảng khai ý kiến về các vấn đề của nguyên đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Anh C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình giữa anh C và chị C, chị C có nơi cư trú tại ấp Đại Hòa, xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Xét thấy, nguyên đơn anh C có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228; điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Xét việc bị đơn chị C được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn; Hội đồng xét xử, quyết định xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét thấy, giữa anh C chị C có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa anh C chị C có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, hai người đã ly thân từ năm 2024 đến nay, từ đó dẫn đến tình cảm dần phai nhạt. Tòa án đã triệu tập chị C nhiều lần, để hòa giải nhằm giúp hai bên có thời gian, có cơ hội hàn gắn tình cảm, nhưng chị C cố tình tránh né không đến Tòa án. Từ đó, cho thấy chị C không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Mặt khác; trong quan hệ hôn nhân nếu muốn sống hạnh phúc thì hôn nhân phải xuất phát từ tình cảm hai phía. Tuy nhiên anh C cho rằng không còn tình cảm với chị C. Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân giữa anh C chị C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên anh C yêu cầu xin ly hôn với chị C là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.1] Về con chung: Anh C và chị C có 02 con chung Nguyễn Thị Mộng Thu, sinh ngày 18/02/2005 đã thành niên không yêu cầu giải quyết và cháu Nguyễn Nhật Trường, sinh ngày 20/01/2008 hiện nay đang sống chung với anh C. Khi ly hôn anh C đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trường điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu Trường nên có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh C không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con nên chị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.2] Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu giải quyết. Bị đơn chị C không có ý kiến phản bác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về nợ chung: Anh C không yêu cầu giải quyết. Bị đơn chị C không có ý kiến phản bác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh C phải chịu số tiền án phí là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; 228; 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mộng C.

2. *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Nhật Trường, sinh ngày 20/01/2008 cho anh Nguyễn Văn C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Mộng C không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Nguyễn Thị Mộng Thu, sinh ngày 18/02/2005 đã thành niên không yêu cầu giải quyết.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về tài sản chung:* Anh Nguyễn Văn C không yêu cầu giải quyết. Bị đơn chị Nguyễn Thị Mộng C không có ý kiến phản bác nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

4. *Về nợ chung:* Anh Nguyễn Văn C không yêu cầu giải quyết. Bị đơn chị Nguyễn Thị Mộng C không có ý kiến phản bác nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

5. *Về án phí:*

+ Anh Nguyễn Văn C phải nộp số tiền là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008941, ngày 09/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, anh Nguyễn Văn C đã nộp đủ không phải nộp thêm.

+ Chị Nguyễn Thị Mộng C không phải nộp án phí.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Mỡn